TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2020/HS-ST
Ngày 23 - 10 -2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phùng Đức Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Hải Quân.

Ông Hoàng Mạnh Sằn.

- Thư ký phiên toà: Ông Dương Đức Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Quốc Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2020/TLST-HS, ngày 23 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn T, sinh ngày 08 tháng 11 năm 1997 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn S và bà Lý Thị Th; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không có án tích, không bị xử lý vi phạm hành chính; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2020 đến nay, có mặt.

2. Dương Văn P, sinh ngày 27 tháng 9 năm 1990, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn C và bà Vy Thị H; có vợ là Hoàng Thị T1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không có án tích, không bị xử lý vi phạm hành chính; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2020 đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T*: Ông Vũ Văn Đáo – Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn P*: Bà Nguyễn Thanh Huyền – Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Anh Hoàng Văn T2, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người làm chứng:

1. Dương Thị T3; vắng mặt

2. Hoàng Văn Q; vắng mặt

3. Hoàng Thị T4; vắng mặt

4. Ngô Thị L; vắng mặt

Người chứng kiến: Hoàng Xuân C; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 00 phút, ngày 19/6/2020 tại Chốt kiểm soát dịch bệnh của Đồn Biên phòng Ba Sơn thuộc Bản Rằn, xã Cao Lâu, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Tổ công tác Đồn Biên phòng Ba Sơn phối hợp với Phòng Trinh sát, Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn trong quá trình làm nhiệm vụ phát hiện có 03 xe mô tô 02 bánh, trong đó 02 xe chở người, 01 xe chở hành lý có biểu hiện nghi vấn. Qua kiểm tra các đối tượng trên khai xe thứ nhất biển kiểm soát 12D1-22038 do Dương Thị T3, sinh năm 1987, trú tại: thôn C1, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn điều khiển, chở 01 người phụ nữ tên là Ngô Thị L, sinh năm 1977, trú tại: xóm T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Xe thứ hai biển kiểm soát 12D1-14656, do Hoàng Văn Q, sinh năm 1993, trú tại: thôn C1, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn điều khiển chở 01 phụ nữ tên Hoàng Thị T4, sinh năm 1979, trú tại: xã N, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Xe thứ ba biển kiểm soát 12D1-09737, do Dương Văn P, sinh năm 1990, trú tại: thôn T, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn điều khiển, trên xe chở hành lý cá nhân. Qua lời khai của Dương Thị T3, Hoàng Văn Q cả hai đều không biết hai người phụ nữ mình đang đèo là ai, tên gì, ở đâu. Còn L, T4 không có giấy tờ tùy thân cả hai đều khai đang trên đường xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để đi làm thuê.

Dương Văn P khai, P và Hoàng Văn T, sinh năm 1997, nơi cư trú thôn C, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đang đưa L và T4 xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc (T khác đi một xe mô tô, đi cách 03 xe trước một đoạn nên khi qua Trạm kiểm soát dịch bệnh T không bị kiểm tra nên T đã đi thẳng về nhà) do đó lực lượng chức năng đã tiến hành lập biên bản quả tang theo quy định.

Quá trình điều tra, Hoàng Văn T và Dương Văn P khai nhận: Khoảng ngày 13, 14/6/2020 Hoàng Văn T mượn điện thoại của bố là Hoàng Văn S để vào mạng Internet. T dùng số điện thoại của T để tạo lập tài khoản wechat có tên "AE", sau đó T kết bạn với tài khoản Wechat của Mạc người Trung Quốc (T quen Mạc trong một lần đi bẫy chim ở khu vực mốc biên giới gần mốc 1197). T bảo Mạc khi nào muốn liên lạc thì nháy máy vào số điện thoại của T trước, sau đó T sẽ dùng Wechat để gọi lại cho Mạc. Khoảng 21h00 ngày 18/6/2020 T đang ở nhà ở thôn C thì nhận được điện thoại của Mạc, Mạc hỏi T là có đưa được người từ Việt Nam sang Trung Quốc theo đường mòn không, T trả lời là được. Mạc nói sẽ gửi số điện thoại của T cho một người Trung Quốc để họ liên hệ với T, T đồng ý. Khoảng 09 giờ ngày 19/6/2020 T nhận được điện thoại từ số 008618378135371 T nghe máy người này không nói họ tên địa chỉ mà hỏi T ra thành phố Lạng Sơn đón người đưa vào khu vực mốc 1193 rồi đưa xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc cho ông ta được không, T đồng ý. Người đàn ông cho biết sẽ trả tiền công 300NDT/người và gửi cho T số điện thoại của khách là chị Hoàng Thị T4 để T đón. Sau đó T gọi điện cho chị T4 hỏi đang ở đâu, chị T4 trả lời đang ở bến xe phía Bắc, huyện Cao Lộc. T nói khoảng 01 giờ nữa T sẽ ra đón, chị T4 đồng ý và cho biết thêm còn có một người phụ nữ nữa đi cùng. Sau đó T gọi điện cho Dương Văn P (là anh rể), sinh năm: 1990, cư trú: thôn T, xã X, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bảo cùng T ra bến xe phía Bắc đón hai người phụ nữ đưa vào khu vực biên giới xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc để đưa sang Trung Quốc theo đường mòn mốc 1193. Nếu đưa được trót lọt sẽ được một người đàn ông Trung Quốc trả tiền công 600NDT, T sẽ chia cho P một nửa số tiền công, P đồng ý. T hẹn P khi nào ăn cơm xong thì đi, gặp nhau tại ngã 3 thị trấn Cao Lộc. Khoảng 12h30 T điều khiển xe máy (không nhớ biển số xe do mượn xe của Hoàng Văn T2 là em trai P) đến ngã 3 thị trấn Cao Lộc, T thấy P đã đợi ở đây. Sau đó T và P đến bến xe phía Bắc để đón chị T4 và L như đã trao đổi trước đó. T và P mỗi người chở một người đi vào khu vực đường mòn mốc 1193 để sang Trung Quốc. Do lo sợ khi đưa khách qua Trạm kiểm soát dịch Bản Rằn sẽ bị lực lượng Biên phòng kiểm tra nên khi đến khu vực thôn Co Phường, xã Hải Yến, huyện Cao Lộc T bảo khách xuống xe và bảo P gọi người đến đón khách đưa qua Trạm kiểm soát dịch, P đồng ý và gọi điện thuê Dương Thị T3 chở 02 người phụ nữ trên qua khu vực chốt kiểm soát dịch bệnh của Biên phòng thuộc Bản Rằn, xã Cao Lâu, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 19/6/2020, Dương Thị T3 và Hoàng Văn Q (do Thạch rủ) cùng đi đến thôn Co Phường để chở 02 phụ nữ trên, còn P và T đi sau chở hành lý. Khi đi đến chốt kiểm soát Bản Rằn, xe mô tô của Dương Văn P cùng hai xe chở khách bị lực lượng Biên phòng phát hiện bắt giữ. Còn Hoàng Văn T đi

xe qua chốt và điều khiển xe về nhà. Khoảng 19h30 cùng ngày T được mời lên Đồn Biên phòng làm việc và khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân.

Tại Bản cáo trạng số 87/CT-VKS-P2 ngày 23/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Hoàng Văn T và Dương Văn P về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận diễn biến hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng nêu và không có ý kiến bổ sung. Các bị cáo thừa nhận biết hành vi tổ chức cho người khác sang nước ngoài không có giấy tờ của cơ quan Nhà nước theo quy định là vi phạm pháp luật nhưng do hám lời các bị cáo đã phạm tội. Nay các bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Hoàng Văn T và Dương Văn P và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T và Dương Văn P phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép". Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 348; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T và Dương Văn P mức án từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo, chưa thu được lợi, không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản đảm bảo thi hành án nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị Hoàng Văn T và Dương Văn P.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu ITEL màu đen, cũ, đã qua sử dụng bên trong có 01 sim của Hoàng Văn T.

Trả lại cho chị Hoàng Thị T1 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG, cũ, đã qua sử dụng bên trong có 01 sim mạng Viettel, 01 sim mạng Vinaphone; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 016959 mang tên Dương Văn P do Công an tỉnh Lạng Sơn Lạng Sơn cấp ngày 02/11/2013; 01 (một) xe mô tô hai bánh hiệu HONDA FUTURE màu đỏ đen, BKS 12D1- 097.37, số khung: 5339DY020723, số máy: JC53E1 1020807

Trả lại cho bị cáo Dương Văn P: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 082126475 mang tên Dương Văn P do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 02/3/2016.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T và người bào chữa cho bị cáo Dương Văn P cùng nhất trí với tội danh, điều luật Viện kiểm sát truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Hoàng Văn T và Dương Văn P do các bị cáo là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu tại thôn có hoàn cảnh kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nhận thức xã hội, nhận thức hành vi

phạm tội bị hạn chế; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo phạm tội chưa đạt vì chưa xuất cảnh trái phép sang bên kia biên giới. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

Khi nói lời nói sau cùng, các bị cáo đều xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo phù hợp với các chứng cứ khác và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Hoàng Văn T và Dương Văn P tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Hoàng Văn T và Dương Văn P có hành vi đưa 02 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để hưởng lợi ích vật chất. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Hoàng Văn T và Dương Văn P về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo Khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường; có đầy đủ năng lực hành vi; có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương. Hành vi đó, cần phải bị lên án và trừng trị trước pháp luật. Để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của từng bị cáo như sau:

[4] Đây là vụ án thuộc trường hợp đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò. Bị cáo Hoàng Văn T là người chủ động liên lạc, chuẩn bị phương tiện đưa đón người xuất cảnh trái phép nên là người giữ vai trò chính. Bị cáo Dương Văn P khi được Hoàng Văn T rủ đi đưa người xuất cảnh trái phép đã đồng ý để hưởng tiền công nên giữ vai trò là người giúp sức tích cực cho bị cáo Hoàng Văn T.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Hoàng Văn T và Dương Văn P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có hoàn cảnh kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Nhận thức xã hội, nhận thức hành vi phạm tội bị hạn chế nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về nhân thân: Các bị cáo Hoàng Văn T và Dương Văn P không có tiền án, tiền sự nên đều là người có nhân thân tốt.

[8] Bị cáo Hoàng Văn T là người giữ vai trò chính nên phải chịu mức án cao hơn, bị cáo Dương Văn P giữ vai trò thứ yếu nên chịu mức án thấp hơn bị cáo T. Trong lần phạm tội này các bị cáo đưa 02 (hai) người xuất cảnh trái phép nhưng chưa kịp đưa khỏi biên giới Việt Nam thì bị phát hiện, bắt giữ. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự có quy định " Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 triệu đồng đến 50.000.000 triệu đồng…''. Do đó, các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành án. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Hoàng Văn T và Dương Văn P .

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu ITEL màu đen, cũ, đã qua sử dụng bên trong có 01 sim mạng Viettell của bị cáo Hoàng Văn T liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước. Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG, cũ, đã qua sử dụng, màu tím bên trong có 01 sim mạng Viettell và 01 sim mạng Vinaphone của chị Hoàng Thị T1, bị cáo P sử dụng chị T1 không biết nên cần trả lại cho chị Hoàng Thị T1. Đối với 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 082126475 mang tên Dương Văn P do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 02/3/2016 cần trả lại cho bị cáo Dương Văn P. Đối với 01 (một) xe mô tô hai bánh hiệu HONDA FUTURE màu đỏ đen, BKS 12D1-097.37, số khung: 5339DY020723, số máy: JC53E1020807 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 016959 mang tên Dương Văn P do do Công an tỉnh Lạng Sơn Lạng Sơn cấp ngày 02/11/2013. Đây là tài sản chung của vợ chồng, việc bị cáo Dương Văn P sử dụng chiếc xe vào hành vi phạm tội chị Hoàng Thị T1 không biết. Chiếc xe mô tô là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu ½ giá trị chiếc xe sau khi đã hóa giá để sung vào ngân sách Nhà nước, trả lại cho chị Hoàng Thị T1 ½ giá trị chiếc xe sau khi đã hóa giá.

[11] Đối với bà Dương Thị T3 và Hoàng Văn Q là người được bị cáo Dương Văn P điện thoại bảo ra để đón Hoàng Thị T4 và Ngô Thị L đi qua chốt kiểm dịch. Bản thân T3 và Q không biết T4 và L là khách có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, nên không có cơ sở chứng minh T3 và Q liên quan đến vụ án, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[12] Đối với người đàn ông tên Mạc có số điện thoại 008619978488038 và người đàn ông Trung Quốc có số điện thoại 008618378135371 là người đã thuê T đón, đưa những người Việt Nam xuất, nhập cảnh trái phép. Do hai đối tượng trên đều là người nước ngoài, bị cáo Hoàng Văn T cũng không biết thông tin cụ thể về hai người này do vậy không có căn cứ xác minh làm rõ.

[13] Đối với ông Hoàng Văn S (*là bố của bị can Hoàng Văn T*) đã cho T mượn điện thoại nhãn hiệu Vsmart để sử dụng, sau đó T đã tạo lập tài khoản Wechat và liên lạc với các đối tượng người Trung Quốc để thực hiện hành vi Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Việc T mượn điện thoại để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội ông S không biết, bản thân ông S không biết sử dụng Wechat, facebook; còn zalo thì các con tạo lập cho và ông S chỉ biết nghe khi có người gọi đến. Do vậy không có căn cứ chứng minh ông S liên quan trong vụ án.

[14] Đối với người đàn ông Trung Quốc đã liên lạc cho Hoàng Thị T4 và Ngô Thị L, bảo T4 và L đi sang Trung Quốc làm thuê. Do Hoàng Thị T4 và Ngô Thị L khai không biết thông tin cụ thể, đồng thời do ngoài lãnh thổ Việt Nam nên Cơ quan điều tra không có cơ sở tiến hành xác minh làm rõ và không có căn cứ để thực hiện Ủy thác tư pháp đối với người đàn ông này.

[15] Về án phí: Các bị cáo Hoàng Văn T, Dương Văn P bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[16] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[17] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về tội danh và hình phạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Các ý kiến khác Hội đồng xét xử đã nhận định ở trên.

[18] Ý kiến bào chữa của Luật sư cho các bị cáo Hoàng Văn T và Dương Văn P cho rằng: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của người bào chữa áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo T và P. Các ý kiến khác của Luật sư phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận, các ý kiến khác Hội đồng xét xử đã nhận định ở trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 348; Điều 17; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điểm a Khoản 1 Điều 47; Điều 50 của Bộ luật Hình sự 2015.

Căn cứ Điểm a Khoản 2, Điểm a Khoản 3 Điều 106; Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Dương Văn P phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép".

2. Về hình phạt:

2.1. Hình phạt chính:

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù giam. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 19/6/2020).

+ Xử phạt bị cáo Dương Văn P 01 (một) năm tù giam. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 19/6/2020).

2.2. Hình phạt bổ sung:

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị Hoàng Văn T và Dương Văn P.

3. Về xử lý vật chứng:

Xác nhận Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã trả lại cho ông Hoàng Văn S 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, mặt sau màu tím, máy cũ đã qua sử dụng, số IMEI-SV: 351726112734202/00 và 351726112734210/00 (kiểm tra bằng cú pháp *#06#) bên trong có 01 sim mạng Viettel *(theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 28/8/2020)*

Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu ITEL màu đen, cũ, đã qua sử dụng, số IMEI: 355802100390400 và 355802100390418 (kiểm tra bằng cú pháp *#06#) bên trong có 01 sim mạng Viettel thu giữ của bị cáo Hoàng Văn T;

Trả lại cho chị Hoàng Thị T1 01 (một) điện thoại di động hiệu SAMSUNG, cũ, đã qua sử dụng, màu tím có số IMEI 1: 359051090647066, số IMEI 2: 359052090647064 kiểm tra bằng cú pháp (*#06#) bên trong có 02 sim; 01 sim mạng Viettell; 01 sim mạng Vinaphone.

Trả lại cho bị cáo Dương Văn P 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 082126475 mang tên Dương Văn P do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 02/3/2016;

Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước: 50% giá trị 01 (một) xe mô tô hai bánh hiệu HONDA FUTURE màu đỏ đen, biển kiểm soát 12D1-097.37, số khung: 5339DY020723, số máy: JC53E1020807 sau khi hóa giá, kèm theo 01

(một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 016959 mang tên Dương Văn P do do Công an tỉnh Lạng Sơn Lạng Sơn cấp ngày 02/11/2013.

Hoàn trả cho chị Hoàng Thị T1 50% giá trị 01 (một) xe mô tô hai bánh hiệu HONDA FUTURE màu đỏ đen, biển kiểm soát 12D1-097.37, số khung: 5339DY020723, số máy: JC53E1020807 sau khi hóa giá.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18 tháng 9 năm 2020).

4. Về án phí: Các bị cáo Hoàng Văn T, Dương Văn P, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Đội TH Công an H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo; người tham gia tố tụng khác.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Đức Chính